

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
1	20260170	Nguyễn Hữu Tất Anh	12A01	008	x	x	Hóa	Lý	
2	20260196	Lê Đức Minh Đăng	12A01	009	x	x	Sinh	Hóa	
3	20260263	Nguyễn Đình Đức	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
4	20260184	Mai Bá Tùng Dương	12A01	008	x	x	Hóa	Lý	
5	20260034	Đinh Thị Ngọc Giang	12A01	002	x	x	Sử	Lý	
6	20260266	Lê Trường Giang	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
7	20260237	Lê Văn Hải	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
8	20260242	Nguyễn Đức Hiếu	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
9	20260244	Nguyễn Đình Hoàng	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
10	20260246	Nguyễn Huy Hùng	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
11	20260247	Nguyễn Kim Hùng	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
12	20260272	Nguyễn Hứa Lê Hùng	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
13	20260251	Hoàng Đức Huy	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
14	20260274	Trương Võ Khang Huy	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
15	20260254	Phạm Vũ Đức Khang	12A01	011	x	x	Hóa	Lý	
16	20260380	Trần Nguyễn Đăng Khoa	12A01	017	x	x	Hóa	Lý	
17	20260275	Bùi Đức Kiên	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
18	20260257	Trần Thị Phương Linh	12A01	011	x	x	Hóa	Anh	
19	20260276	Nguyễn Ái Trúc Linh	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
20	20260277	Nguyễn Ngọc Thủy Linh	12A01	012	x	x	Lý	Anh	
21	20260384	Khúc Đặng Thành Luân	12A01	017	x	x	Hóa	Lý	
22	20260199	Nguyễn Lê Tuấn Minh	12A01	009	x	x	Sinh	Hóa	
23	20260200	Hồ Thị Thanh Mỹ	12A01	009	x	x	Sinh	Hóa	
24	20260309	Hồ Đức Nghĩa	12A01	014	x	x	Anh	Lý	
25	20260310	Nguyễn Thị Minh Ngọc	12A01	014	x	x	Anh	Lý	
26	20260392	Nguyễn Tài Nguyên	12A01	017	x	x	Hóa	Lý	
27	20260201	Trần Huỳnh Như Nguyệt	12A01	009	x	x	Sinh	Hóa	
28	20260394	Đông Thị Quỳnh Nhi	12A01	017	x	x	Hóa	Lý	
29	20260365	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	12A01	016	x	x	Sử	Anh	
30	20260398	Nguyễn Công Minh Quân	12A01	017	x	x	Hóa	Lý	
31	20260429	Mai Thái Sơn	12A01	019	x	x	Hóa	Lý	
32	20260319	Tạ Quang Nhật Tân	12A01	014	x	x	Anh	Lý	
33	20260282	Lê Trung Thạch	12A01	012	x	x	Sinh	Anh	
34	20260432	Trần Văn Thành	12A01	019	x	x	Hóa	Lý	
35	20260322	Trần Ngọc Phương Thảo	12A01	014	x	x	Anh	Lý	
36	20260436	Bùi Lê Đức Thịnh	12A01	019	x	x	Hóa	Lý	
37	20260324	Nguyễn Đỗ Anh Thư	12A01	014	x	x	Anh	Lý	
38	20260209	Lê Thị Thu Trang	12A01	009	x	x	Sinh	Hóa	
39	20260448	Quảng Dỹ Tường	12A01	019	x	x	Hóa	Lý	
40	20260449	Nguyễn Nam Việt	12A01	019	x	x	Hóa	Lý	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
41	20260169	Nguyễn Hà An	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
42	20260171	Phạm Tiến Anh	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
43	20260173	Trịnh Xuân Bách	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
44	20260174	Lê Quốc Bảo	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
45	20260357	Lại Xuân Đức	12A02	016	x	x	Sử	Sinh	
46	20260188	Nguyễn Thị Duyên	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
47	20260189	Trần Văn Tài Em	12A02	008	x	x	Hóa	Lý	
48	20260037	Phan Thị Thanh Hòa	12A02	002	x	x	Sử	Lý	
49	20260038	Trần Bá Hoàng	12A02	002	x	x	Sử	Lý	
50	20260248	Nguyễn Tuấn Hưng	12A02	011	x	x	Hóa	Lý	
51	20260040	Đông Duy Khánh	12A02	002	x	x	Sử	Lý	
52	20260256	Lê Trịnh Nam Khánh	12A02	011	x	x	Hóa	Lý	
53	20260381	Bùi Ngọc Lâm	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
54	20260428	Hoàng Thị Yến Lê	12A02	019	x	x	Sinh	Lý	
55	20260360	Trần Văn Lộc	12A02	016	x	x	Sử	Sinh	
56	20260225	Đỗ Trần Bảo Ly	12A02	010	x	x	Sử	Anh	
57	20260334	Bùi Thái Thảo My	12A02	015	x	x	Sử	Lý	
58	20260337	Nguyễn Tuấn Nam	12A02	015	x	x	Sử	Lý	
59	20260388	Nguyễn Thị Nga	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
60	20260389	Văn Thị Minh Ngọc	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
61	20260393	Đàm Nhật Nguyên	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
62	20260395	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
63	20260203	Đoàn Gia Như	12A02	009	x	x	Sinh	Hóa	
64	20260313	Doãn Thị Hồng Nhung	12A02	014	x	x	Anh	Lý	
65	20260396	Lê Minh Trường Phát	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
66	20260397	Nguyễn Ngọc Phát	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
67	20260399	Lê Văn Quang	12A02	017	x	x	Hóa	Lý	
68	20260433	Nguyễn Minh Thành	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
69	20260323	Nguyễn Thị Phương Thảo	12A02	014	x	x	Anh	Lý	
70	20260434	Trần Nguyễn Phương Thảo	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
71	20260438	Phạm Minh Thông	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
72	20260208	Nguyễn Đức Anh Thuận	12A02	009	x	x	Sinh	Hóa	
73	20260325	Phạm Văn Thương	12A02	014	x	x	Anh	Lý	
74	20260327	Lê Tuấn Tiến	12A02	014	x	x	Anh	Lý	
75	20260441	Đặng Thị Yến Trang	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
76	20260443	Nguyễn Thị Thục Trinh	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
77	20260373	Bùi Lê Thanh Trúc	12A02	016	x	x	Sử	Anh	
78	20260445	Nguyễn Xuân Tuấn	12A02	019	x	x	Hóa	Lý	
79	20260450	Nguyễn Nguyên Vũ	12A02	019	x	x	Sinh	Lý	
80	20260403	Nguyễn Thị Hải Yến	12A02	017	x	x	Anh	Lý	
81	20260260	Lê Thị Hà An	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
82	20260097	Nguyễn Trâm Anh	12A03	005	x	x	Anh	Sử	
83	20260175	Nguyễn Ngọc Bảo	12A03	008	x	x	Hóa	Lý	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
84	20260177	Trần Nguyễn Khánh Bình	12A03	008	x	x	Tin	Lý	
85	20260178	Hoàng Ngọc Châu	12A03	008	x	x	Hóa	Lý	
86	20260181	Lê Tiến Đạt	12A03	008	x	x	Hóa	Lý	
87	20260264	Nguyễn Thùy Dung	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
88	20260183	Nguyễn Hoàng Chí Dũng	12A03	008	x	x	Tin	Lý	
89	20260185	Nguyễn Việt Bình Dương	12A03	008	x	x	Hóa	Lý	
90	20260265	Nguyễn Bùi Hà Dương	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
91	20260186	Vũ Hoàng Tùng Duy	12A03	008	x	x	Tin	Lý	
92	20260190	Nguyễn Hoàng Gia	12A03	008	x	x	Tin	Lý	
93	20260238	Trần Hữu Trường Hải	12A03	011	x	x	Hóa	Lý	
94	20260267	Vi Thị Thanh Hải	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
95	20260039	Nguyễn Duy Bảo Hưng	12A03	002	x	x	Sử	Lý	
96	20260249	Nguyễn Gia Hưng	12A03	011	x	x	Hóa	Lý	
97	20260273	Mai Đức Hưng	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
98	20260252	Nguyễn Trương Gia Huy	12A03	011	x	x	Hóa	Lý	
99	20260253	Lương Thị Thu Huyền	12A03	011	x	x	Hóa	Lý	
100	20260332	Nguyễn Đình Khoa	12A03	015	x	x	Sử	Tin	
101	20260221	Phạm Lê Khương	12A03	010	x	x	Sử	Anh	
102	20260046	Trần Hồng Lộc	12A03	002	x	x	Sử	Lý	
103	20260279	Đặng Thành Long	12A03	012	x	x	Lý	Anh	
104	20260144	Nguyễn Võ Huyền My	12A03	006	x	x	Sử	Hóa	
105	20260335	Đào Hà My	12A03	015	x	x	Sử	Lý	
106	20260311	Lê Vũ Bảo Ngọc	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
107	20260312	Đặng Thị Quỳnh Nhi	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
108	20260314	Võ Thị Hồng Nhung	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
109	20260316	Trần Đình Quân	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
110	20260317	Phạm Thị Như Quỳnh	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
111	20260318	Nguyễn Đức Tài	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
112	20260431	Nguyễn Nhật Tân	12A03	019	x	x	Hóa	Lý	
113	20260258	Hoàng Ngọc Thái	12A03	011	x	x	Hóa	Anh	
114	20260320	Đỗ Thành Thái	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
115	20260321	Trần Hoàng Thái	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
116	20260348	Phạm Thị Phương Thanh	12A03	015	x	x	Sử	Lý	
117	20260435	Đặng Vũ Thiện	12A03	019	x	x	Hóa	Lý	
118	20260326	Lê Thị Thanh Thúy	12A03	014	x	x	Anh	Lý	
119	20260370	Nguyễn Hà Bảo Trâm	12A03	016	x	x	Sử	Anh	
120	20260374	Đinh Kim Cẩm Tú	12A03	016	x	x	Sử	Anh	
121	20260444	Phạm Anh Tú	12A03	019	x	x	Hóa	Lý	
122	20260259	Lê Nguyễn Anh Tuấn	12A03	011	x	x	Hóa	Anh	
123	20260446	Vũ Ngọc Tuấn	12A03	019	x	x	Hóa	Lý	
124	20260402	Trần Thị Như Ý	12A03	017	x	x	Anh	Lý	
125	20260261	Phan Thị Ngọc Anh	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
126	20260176	Lê Cẩm Bích	12A04	008	x	x	Hóa	Lý	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
127	20260029	Nguyễn Minh Chiến	12A04	002	x	x	Sử	Lý	
128	20260121	Vũ Đình Đạt	12A04	006	x	x	Sử	Hóa	
129	20260032	Lương Bạch Đình	12A04	002	x	x	Sử	Lý	
130	20260182	Vũ Đình Anh Đức	12A04	008	x	x	Hóa	Lý	
131	20260033	Lê Vũ Duy	12A04	002	x	x	Sử	Lý	
132	20260187	Phạm Văn Duy	12A04	008	x	x	Hóa	Lý	
133	20260191	Lê Nguyên Trường Giang	12A04	008	x	x	Hóa	Lý	
134	20260239	Đặng Hoàng Hải	12A04	011	x	x	Hóa	Lý	
135	20260240	Trần Ngọc Gia Hân	12A04	011	x	x	Hóa	Lý	
136	20260268	Nguyễn Thanh Hậu	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
137	20260245	Trần Nguyễn Nam Hoàng	12A04	011	x	x	Hóa	Lý	
138	20260269	Đặng Đức Hoàng	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
139	20260270	Lê Khả Hoàng	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
140	20260271	Trương Minh Hoàng	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
141	20260250	Trần Thu Hương	12A04	011	x	x	Hóa	Lý	
142	20260041	Nguyễn Thế Kiệt	12A04	002	x	x	Sử	Lý	
143	20260278	Nguyễn Ngọc Lợi	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
144	20260047	Ngô Hải Long	12A04	002	x	x	Sử	Lý	
145	20260280	Trần Hoàng Gia Long	12A04	012	x	x	Lý	Anh	
146	20260385	Đào Việt Mai	12A04	017	x	x	Hóa	Lý	
147	20260333	Phạm Thị Mi	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
148	20260336	Đặng Thị Huyền My	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
149	20260387	Trần Văn Nam	12A04	017	x	x	Hóa	Lý	
150	20260339	Trần Thị Ngọc Nhi	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
151	20260340	Trần Thị Ái Nhiên	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
152	20260192	Nguyễn Đình Xuân Phát	12A04	008	x	x	Tin	Lý	
153	20260343	Phạm Xuân Quyết	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
154	20260345	Nguyễn Thành Tâm	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
155	20260346	Nguyễn Nhật Tân	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
156	20260328	Nguyễn Thị Bảo Trâm	12A04	014	x	x	Anh	Lý	
157	20260371	Đinh Thị Mỹ Trâm	12A04	016	x	x	Sử	Anh	
158	20260440	Nguyễn Thị Thùy Trâm	12A04	019	x	x	Hóa	Lý	
159	20260329	Lê Thị Thùy Trang	12A04	014	x	x	Anh	Lý	
160	20260350	Lê Trần Ngọc Trang	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
161	20260442	Hoàng Trung Trí	12A04	019	x	x	Hóa	Lý	
162	20260351	Nguyễn Đức Công Trứ	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
163	20260352	Lại Minh Tuấn	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
164	20260353	Phạm Quốc Tuấn	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
165	20260354	Nguyễn Thảo Uyên	12A04	015	x	x	Sử	Lý	
166	20260331	Ngô Thảo Vy	12A04	014	x	x	Anh	Lý	
167	20260025	Cao Ngọc Bảo Anh	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
168	20260026	Lê Thị Quỳnh Anh	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
169	20260027	Nguyễn Trần Doãn Anh	12A05	002	x	x	Sử	Lý	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
170	20260172	Nguyễn Quang Anh	12A05	008	x	x	Hóa	Lý	
171	20260262	Lê Võ Trâm Anh	12A05	012	x	x	Lý	Anh	
172	20260179	Phan Nguyễn Bảo Châu	12A05	008	x	x	Hóa	Lý	
173	20260236	Bùi Thị Ngọc Chi	12A05	011	x	x	Hóa	Anh	
174	20260180	Ngô Xuân Cường	12A05	008	x	x	Hóa	Lý	
175	20260030	Vũ Thế Đan	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
176	20260212	Nguyễn Thành Châu Giang	12A05	010	x	x	Sử	Anh	
177	20260035	Hoàng Nam Hải	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
178	20260241	Phan Thị Hậu	12A05	011	x	x	Hóa	Lý	
179	20260243	Đào Đức Hiếu	12A05	011	x	x	Hóa	Lý	
180	20260255	Trần Tuấn Khang	12A05	011	x	x	Hóa	Lý	
181	20260042	Nguyễn Phú Lâm	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
182	20260043	Y Lar Niê	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
183	20260044	Đặng Thùy Linh	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
184	20260045	Đinh Thị Phương Linh	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
185	20260223	Lộc Thị Kiều Linh	12A05	010	x	x	Sử	Anh	
186	20260224	Nguyễn Thùy Linh	12A05	010	x	x	Sử	Anh	
187	20260382	Hoàng Thị Khánh Linh	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
188	20260383	Phạm Thị Hoàng Linh	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
189	20260048	Vũ Thị Tuyết Mai	12A05	002	x	x	Sử	Lý	
190	20260386	Nguyễn Thành Minh	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
191	20260338	Nguyễn Thị Kim Ngân	12A05	015	x	x	Sử	Lý	
192	20260390	Bùi Thị Như Ngọc	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
193	20260391	Nguyễn Thanh Ngọc	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
194	20260315	Âu Duy Phát	12A05	014	x	x	Anh	Lý	
195	20260341	Nguyễn Đình Hồng Phước	12A05	015	x	x	Sử	Lý	
196	20260342	Phạm Văn Quang	12A05	015	x	x	Sử	Lý	
197	20260400	Đồng Nhật Quyên	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
198	20260401	Đặng Phạm Phương Quỳnh	12A05	017	x	x	Hóa	Lý	
199	20260344	Trần Ngọc Sang	12A05	015	x	x	Sử	Lý	
200	20260430	Nguyễn Lê Khải Tâm	12A05	019	x	x	Hóa	Lý	
201	20260437	Dương Lê Bảo Thịnh	12A05	019	x	x	Hóa	Lý	
202	20260439	Phạm Hồng Thư	12A05	019	x	x	Hóa	Lý	
203	20260447	Vũ Anh Tuấn	12A05	019	x	x	Hóa	Lý	
204	20260355	Đào Phương Uyên	12A05	015	x	x	Sử	Lý	
205	20260330	Nguyễn Hồ Việt	12A05	014	x	x	Anh	Lý	
206	20260451	Trần Thị Như Ý	12A05	019	x	x	Hóa	Lý	
207	20260193	Bùi Thị Hồng Anh	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
208	20260404	Bùi Thị Phương Anh	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
209	20260194	Nguyễn Gia Cao	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
210	20260195	Trần Thị Bảo Châu	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
211	20260405	Cù Xuân Anh Đức	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
212	20260406	Nguyễn Thị Thùy Dung	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
213	20260197	Phạm Văn Dũng	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
214	20260214	Nguyễn Hữu Hoà	12A06	010	x	x	Sử	Anh	
215	20260407	H Khaly Niê	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
216	20260222	Nguyễn Trung Lâm	12A06	010	x	x	Sử	Anh	
217	20260358	H Lam Niê	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
218	20260408	Nông Thị Lành	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
219	20260359	Nguyễn Diệu Hà Linh	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
220	20260198	H Milani Niê	12A06	009	x	x	Sinh	CNNN	
221	20260409	Tạ Thị Thắng Mỹ	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
222	20260362	Nguyễn Mai Anh Ngọc	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
223	20260364	Phạm Thị Minh Nguyệt	12A06	016	x	x	Sử	Anh	
224	20260202	Nguyễn Phạm Quỳnh Nhi	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
225	20260410	Nguyễn Thị Yến Nhi	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
226	20260366	Phạm Thị Tuyết Như	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
227	20260204	H Nuyễn Byă	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
228	20260281	Nguyễn Phước Vinh Phúc	12A06	012	x	x	Sinh	Anh	
229	20260415	Trần Như Quỳnh	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
230	20260418	H' Sen Byă	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
231	20260205	Đỗ Ngọc Thạch	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
232	20260206	Đỗ Ngọc Thảo	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
233	20260368	Nguyễn Nguyên Thạch Thảo	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
234	20260423	Nguyễn Thị Thi	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
235	20260207	Nguyễn Vương Phúc Thịnh	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
236	20260349	Lê Thị Thu Thủy	12A06	015	x	x	Sử	Tin	
237	20260210	Hà Nguyễn Anh Trúc	12A06	009	x	x	Sinh	Hóa	
238	20260211	Phan Thị Tường Vinh	12A06	009	x	x	Sinh	CNNN	
239	20260283	Tạ Quang Vinh	12A06	012	x	x	Sinh	Anh	
240	20260427	Nguyễn Hoàng Tường Vy	12A06	018	x	x	Sử	CNNN	
241	20260379	Võ Nguyễn Thu Yên	12A06	016	x	x	Sử	Sinh	
242	20260049	Phạm Quang Anh	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
243	20260098	Nguyễn Quỳnh Anh	12A07	005	x	x	Anh	Sử	
244	20260099	Trần Ngọc Quỳnh Anh	12A07	005	x	x	Địa	Sử	
245	20260100	Trần Tuấn Anh	12A07	005	x	x	Anh	Sử	
246	20260051	Nguyễn Lê Thanh Bảo	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
247	20260052	Đào Thị Thanh Bình	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
248	20260053	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
249	20260055	Đỗ Danh Tiến Đạt	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
250	20260115	Trịnh Tấn Đạt	12A07	005	x	x	Địa	Sử	
251	20260056	Đào Niê Thiên Di	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
252	20260057	Nguyễn Thanh Thủy Dương	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
253	20260058	Nguyễn Đức Duy	12A07	003	x	x	Anh	Địa	
254	20260213	Nguyễn Thu Hiền	12A07	010	x	x	Sử	Anh	
255	20260059	Nguyễn Thị Mỹ Hiếu	12A07	003	x	x	Anh	Địa	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
256	20260289	Kiều Thanh Hoàng	12A07	013	x	x	KTPL	Địa	
257	20260216	Phạm Thị Mỹ Hưng	12A07	010	x	x	Sử	Anh	
258	20260060	Trần Thị Hương	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
259	20260217	Phạm Hồng Huy	12A07	010	x	x	Địa	Anh	
260	20260218	Trần Ngọc Khánh Huyền	12A07	010	x	x	Sử	Anh	
261	20260220	Văn Đình Tùng Khê	12A07	010	x	x	Địa	Anh	
262	20260061	Phạm Quang Minh Khuê	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
263	20260062	Trương Cao Huyền Linh	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
264	20260140	Nguyễn Khánh Linh	12A07	006	x	x	Sử	Địa	
265	20260141	Nguyễn Phương Linh	12A07	006	x	x	Sử	Địa	
266	20260145	Nguyễn Thành Lương	12A07	007	x	x	Sử	Địa	
267	20260063	Trần Thị My	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
268	20260148	Phạm Trần Hà My	12A07	007	x	x	Sử	Địa	
269	20260227	Võ Dương Hà My	12A07	010	x	x	Địa	Anh	
270	20260064	Phạm Nguyễn Hà Ngân	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
271	20260150	Bùi Thị Bích Ngân	12A07	007	x	x	Sử	Địa	
272	20260151	Vân Phạm Hiếu Ngân	12A07	007	x	x	Sử	Địa	
273	20260228	Lâm Vĩnh Nghi	12A07	010	x	x	Địa	Anh	
274	20260065	Lê Thị Bảo Ngọc	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
275	20260363	Nguyễn Cao Bảo Ngọc	12A07	016	x	x	Sử	Anh	
276	20260067	Trương Yến Nhi	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
277	20260229	Phạm Hồng Nhi	12A07	010	x	x	Địa	Anh	
278	20260164	Ksor H Mai Sa Niê	12A07	007	x	x	Sử	Địa	
279	20260367	Phạm Đức Phát	12A07	016	x	x	Sử	Anh	
280	20260068	Nguyễn Chấn Phong	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
281	20260413	Lê Văn Phú	12A07	018	x	x	Sử	Địa	
282	20260369	Trần Thị Hoàng Thương	12A07	016	x	x	Sử	Anh	
283	20260454	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	12A07	020	x	x	Địa	Sử	
284	20260472	Lăng Thanh Vũ	12A07	020	x	x	Địa	Sử	
285	20260072	Nguyễn Hoài Như Ý	12A07	003	x	x	Anh	KTPL	
286	20260378	Nguyễn Ngọc Như Ý	12A07	016	x	x	Sử	Anh	
287	20260132	H - Huê Byă	12A08	006	x	x	Sử	Địa	
288	20260416	H - Rian Niê	12A08	018	x	x	Sử	Địa	
289	20260001	Trịnh Tuấn Anh	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
290	20260105	Hoàng Thị Ánh	12A08	005	x	x	Địa	Sử	
291	20260106	H Anh Mlô	12A08	005	x	x	Địa	Sử	
292	20260005	Dương Gia Bảo	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
293	20260284	Đặng Huỳnh An Bình	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
294	20260006	Niê Minh Khôi Byă	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
295	20260111	Jun Hy Byă	12A08	005	x	x	Địa	Sử	
296	20260008	Lã Kim Chi	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
297	20260287	Phạm Văn Cự	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
298	20260130	Niê Võ Trúc Hân	12A08	006	x	x	Sử	Địa	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
299	20260290	Lê Minh Hoàng	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
300	20260215	Vũ Lê Ngọc Hồng	12A08	010	x	x	Sử	Anh	
301	20260015	Nguyễn Thị Thu Hương	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
302	20260291	Đào Thu Huyền	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
303	20260138	Nguyễn Anh Kiệt	12A08	006	x	x	Sử	Địa	
304	20260018	Phạm Diệu Linh	12A08	001	x	x	Sử	KTPL	
305	20260142	Lê Thị Thảo Linh	12A08	006	x	x	Sử	Địa	
306	20260146	Dương Lê Thiên Lý	12A08	007	x	x	Sử	Địa	
307	20260149	Vũ Ngọc Lê My	12A08	007	x	x	Sử	Địa	
308	20260295	Hoàng Thị Ngân	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
309	20260079	Đình An Thảo Nguyên	12A08	004	x	x	Sử	KTPL	
310	20260298	Lê Huỳnh Thanh Nhã	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
311	20260081	Ngô Bảo Nhân	12A08	004	x	x	Sử	KTPL	
312	20260082	Nguyễn Thành Nhân	12A08	004	x	x	Sử	KTPL	
313	20260159	Nguyễn Quỳnh Như	12A08	007	x	x	Sử	Địa	
314	20260160	Trần Thanh Như	12A08	007	x	x	Sử	Địa	
315	20260301	Đào Bảo Như	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
316	20260303	Lê Thị Thu Tâm	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
317	20260304	Nguyễn Phạm Phương Thảo	12A08	013	x	x	KTPL	Địa	
318	20260421	Nguyễn Phương Thảo	12A08	018	x	x	Sử	Địa	
319	20260424	Cù Vũ Anh Thư	12A08	018	x	x	Sử	Địa	
320	20260425	Vũ Trịnh Hoài Thương	12A08	018	x	x	Sử	Địa	
321	20260426	Hồ Thị Thu Thủy	12A08	018	x	x	Sử	Địa	
322	20260453	Nguyễn Khánh Thủy	12A08	020	x	x	Địa	Sử	
323	20260095	Đặng Đức Tiến	12A08	004	x	x	Sử	KTPL	
324	20260096	Hồ Quỳnh Trâm	12A08	004	x	x	Sử	KTPL	
325	20260166	Trương Thị Thùy Trâm	12A08	007	x	x	Sử	KTPL	
326	20260070	Phan Thùy Trang	12A08	003	x	x	Anh	KTPL	
327	20260458	Phạm Huyền Trang	12A08	020	x	x	Địa	Sử	
328	20260462	Phạm Phương Trinh	12A08	020	x	x	Địa	Sử	
329	20260235	Vũ Đặng Thanh Vân	12A08	010	x	x	Địa	Anh	
330	20260470	Chu Thị Thảo Vi	12A08	020	x	x	Địa	Sử	
331	20260473	Nguyễn Tuấn Vũ	12A08	020	x	x	Địa	Sử	
332	20260120	H - Doan Niê	12A09	005	x	x	Địa	Sử	
333	20260165	Y - Ô Tin - Niê	12A09	007	x	x	Sử	Địa	
334	20260050	Phạm Thị Hà Anh	12A09	003	x	x	Anh	Địa	
335	20260101	Võ Thùy Anh	12A09	005	x	x	Anh	Sử	
336	20260108	Huỳnh Ngọc Gia Bảo	12A09	005	x	x	Địa	Sử	
337	20260109	Phạm Nguyễn Gia Bảo	12A09	005	x	x	Địa	Sử	
338	20260113	Nguyễn Thủy Chi	12A09	005	x	x	Địa	Sử	
339	20260009	Nguyễn Cao Cường	12A09	001	x	x	Sử	KTPL	
340	20260117	Phạm Trần Tú Diễm	12A09	005	x	x	Địa	Sử	
341	20260122	Bùi Anh Dũng	12A09	006	x	x	Sử	Địa	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
342	20260012	Huỳnh Thị Kim Hà	12A09	001	x	x	Sử	KTPL	
343	20260131	Đỗ Thị Mỹ Hạnh	12A09	006	x	x	Sử	Địa	
344	20260134	Trần Gia Huy	12A09	006	x	x	Sử	Địa	
345	20260019	Lê Phương Linh	12A09	001	x	x	Sử	KTPL	
346	20260023	Nguyễn Thanh Luân	12A09	001	x	x	Sử	KTPL	
347	20260024	Trần Thảo Ly	12A09	001	x	x	Sử	KTPL	
348	20260076	Lã Thị Ánh Mai	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
349	20260078	Trần Thị Quỳnh Na	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
350	20260152	Bùi Thị Kim Ngân	12A09	007	x	x	Sử	Địa	
351	20260153	Phạm Khánh Ngân	12A09	007	x	x	Sử	Địa	
352	20260155	Lê Bảo Ngọc	12A09	007	x	x	Sử	Địa	
353	20260296	Đoàn Thị Bảo Ngọc	12A09	013	x	x	KTPL	Địa	
354	20260084	Lưu Nguyễn Quỳnh Như	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
355	20260085	Vũ Quỳnh Như	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
356	20260230	Nguyễn Thị Quỳnh Như	12A09	010	x	x	Địa	Anh	
357	20260087	Đào Nguyễn Duy Phát	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
358	20260089	H Rũc Niê	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
359	20260232	Nguyễn Tấn Sang	12A09	010	x	x	Địa	Anh	
360	20260417	Nguyễn Bá Sáng	12A09	018	x	x	Sử	Địa	
361	20260419	Y Suka Niê	12A09	018	x	x	Sử	Địa	
362	20260420	Nông Văn Tân	12A09	018	x	x	Sử	Địa	
363	20260091	Nông Thị Hồng Thắm	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
364	20260422	Trần Thị Ngọc Thảo	12A09	018	x	x	Sử	Địa	
365	20260305	Nguyễn Thị Thiện	12A09	013	x	x	KTPL	Địa	
366	20260094	Lê Thị Thúy	12A09	004	x	x	Sử	KTPL	
367	20260372	Nguyễn Ngọc Trâm	12A09	016	x	x	Sử	Anh	
368	20260168	Hồ Quỳnh Trân	12A09	007	x	x	Sử	KTPL	
369	20260463	H Trinh Niê	12A09	020	x	x	Địa	Sử	
370	20260465	Cao Minh Anh Tú	12A09	020	x	x	Địa	Sử	
371	20260375	Huỳnh Thùy Uyên	12A09	016	x	x	Sử	Anh	
372	20260468	Huỳnh Mỹ Uyên	12A09	020	x	x	Địa	Sử	
373	20260469	Huỳnh Ngọc Uyên	12A09	020	x	x	Địa	Sử	
374	20260071	Nguyễn Thị Thảo Vy	12A09	003	x	x	Anh	KTPL	
375	20260475	Nguyễn Trần Như Ý	12A09	020	x	x	Địa	Sử	
376	20260090	Y - Sôn - Niê	12A10	004	x	x	Sử	KTPL	
377	20260102	Lâm Ngọc Anh	12A10	005	x	x	Địa	Sử	
378	20260107	H Anh Miê	12A10	005	x	x	Địa	Sử	
379	20260116	Nguyễn Quốc Đạt	12A10	005	x	x	Địa	Sử	
380	20260010	Bùi Thị Phương Diễm	12A10	001	x	x	Sử	KTPL	
381	20260124	Lê Nguyễn Mỹ Duyên	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
382	20260127	Đỗ Thị Ngọc Hà	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
383	20260129	Nguyễn Thị Ngọc Hạ	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
384	20260036	Lê Phạm Gia Hân	12A10	002	x	x	Sử	Lý	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
385	20260013	Bùi Xuân Hiếu	12A10	001	x	x	Lý	KTPL	
386	20260133	Đinh Thị Mai Hương	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
387	20260135	Đặng Nhật Huy	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
388	20260020	Nguyễn Thị Thùy Linh	12A10	001	x	x	Sử	KTPL	
389	20260021	Trần Thùy Linh	12A10	001	x	x	Sử	KTPL	
390	20260143	Trần Thị Thùy Linh	12A10	006	x	x	Sử	Địa	
391	20260022	Phạm Thị Thanh Loan	12A10	001	x	x	Sử	KTPL	
392	20260452	Đỗ Hữu Lộc	12A10	020	x	x	Địa	Lý	
393	20260308	Vũ Thị Thảo My	12A10	014	x	x	Anh	Sử	
394	20260154	Đỗ Thúy Ngân	12A10	007	x	x	Sử	Địa	
395	20260066	Nguyễn Thọ Long Nhật	12A10	003	x	x	Anh	KTPL	
396	20260083	Nguyễn Thị Yên Nhi	12A10	004	x	x	Sử	KTPL	
397	20260231	Nguyễn Đào Gia Như	12A10	010	x	x	Địa	Anh	
398	20260412	Nguyễn Đăng Phát	12A10	018	x	x	Sử	Địa	
399	20260302	Nguyễn Văn Quang	12A10	013	x	x	KTPL	Địa	
400	20260092	Nguyễn Thị Thu Thảo	12A10	004	x	x	Sử	KTPL	
401	20260093	Nguyễn Thị Hoài Thu	12A10	004	x	x	Sử	KTPL	
402	20260069	Trương Anh Thư	12A10	003	x	x	Anh	KTPL	
403	20260167	Phan Thị Thùy Trâm	12A10	007	x	x	Sử	KTPL	
404	20260459	Trịnh Vũ Thu Trang	12A10	020	x	x	Địa	Sử	
405	20260233	H - Suy - Byã	12A11	010	x	x	Địa	Anh	
406	20260002	Cao Hoàng Anh	12A11	001	x	x	Sử	KTPL	
407	20260003	Nguyễn Thị Minh Anh	12A11	001	x	x	Sử	KTPL	
408	20260028	Phạm Huy Quốc Anh	12A11	002	x	x	Sử	Lý	
409	20260073	Phan Tuấn Anh	12A11	004	x	x	Địa	KTPL	
410	20260103	Trần Quỳnh Anh	12A11	005	x	x	Địa	Sử	
411	20260074	Phạm Quốc Bảo	12A11	004	x	x	Địa	KTPL	
412	20260285	Hứa Thanh Bình	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
413	20260007	H- Moen - Byã	12A11	001	x	x	Sử	KTPL	
414	20260286	Phạm Thị Yên Chi	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
415	20260114	Phạm Thị Chúc	12A11	005	x	x	Địa	Sử	
416	20260054	Hồ Văn Nguyên Đăng	12A11	003	x	x	Anh	KTPL	
417	20260031	Tăng Ngọc Đạt	12A11	002	x	x	Sử	Lý	
418	20260128	Nguyễn Thị Hà	12A11	006	x	x	Sử	Địa	
419	20260288	Chu Văn Hoàn	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
420	20260014	Lê Đức Hùng	12A11	001	x	x	Sử	KTPL	
421	20260219	Trịnh Hoàng Khánh	12A11	010	x	x	Sử	Anh	
422	20260292	Đinh Tuấn Kiệt	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
423	20260293	Lê Thị Trà My	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
424	20260297	Nguyễn Như Ánh Ngọc	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
425	20260080	Trần Phạm Thảo Nguyên	12A11	004	x	x	Sử	KTPL	
426	20260299	Phạm Hoàng Nhất	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
427	20260300	Phạm Thị Nhi	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
428	20260161	Đỗ Ngọc Quỳnh Như	12A11	007	x	x	Sử	Địa	
429	20260088	Trần Thị Quyên	12A11	004	x	x	Sử	KTPL	
430	20260347	Mai Nhật Tân	12A11	015	x	x	Sử	Lý	
431	20260455	Đinh Ngọc Bảo Trâm	12A11	020	x	x	Địa	Sử	
432	20260460	Đào Thị Thùy Trang	12A11	020	x	x	Địa	Sử	
433	20260464	H Truyn Bkrông	12A11	020	x	x	Địa	Sử	
434	20260307	Huỳnh Phạm Thảo Uyên	12A11	013	x	x	KTPL	Địa	
435	20260377	Hoàng Hà Vy	12A11	016	x	x	Sử	Anh	
436	20260356	H - Dí - Mlô	12A12	016	x	x	Sử	Sinh	
437	20260104	Lê Công Tuấn Anh	12A12	005	x	x	Địa	Sử	
438	20260004	Đinh Thị Hồng Ánh	12A12	001	x	x	Sử	KTPL	
439	20260110	Lê Gia Bảo	12A12	005	x	x	Địa	Sử	
440	20260112	H Che Mlô	12A12	005	x	x	Địa	Sử	
441	20260118	Bế Ngọc Diệp	12A12	005	x	x	Địa	Sử	
442	20260119	H Diệp Byã	12A12	005	x	x	Địa	Sử	
443	20260123	Hứa Quang Dũng	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
444	20260011	Nguyễn Thị Thùy Dương	12A12	001	x	x	Sử	KTPL	
445	20260125	H Gep Niê	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
446	20260126	H Giang Mlô	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
447	20260136	H Kali Mlô	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
448	20260137	Đào Duy Khánh	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
449	20260016	Niê Eo La	12A12	001	x	x	Sử	KTPL	
450	20260017	Lê Thị Mai Lan	12A12	001	x	x	Sử	KTPL	
451	20260139	Vũ Thị Lan	12A12	006	x	x	Sử	Địa	
452	20260075	Hoàng Thị Cẩm Ly	12A12	004	x	x	Sử	KTPL	
453	20260147	Trần Công Minh	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
454	20260226	Đoàn Thị Hồng Minh	12A12	010	x	x	Sử	Anh	
455	20260361	Võ Phương Nghi Mlô	12A12	016	x	x	Sử	Sinh	
456	20260077	Đặng Thị Trà My	12A12	004	x	x	Sử	KTPL	
457	20260294	Nguyễn Thị Trà My	12A12	013	x	x	KTPL	Địa	
458	20260156	Đinh Thị Ngọc	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
459	20260157	Hoàng Đức Nguyên	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
460	20260158	Nguyễn Thị Yên Nhi	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
461	20260086	Đào Quỳnh Như	12A12	004	x	x	Sử	KTPL	
462	20260162	Lê Nguyễn Hoàn Như	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
463	20260163	Trần Thị Yên Như	12A12	007	x	x	Sử	Địa	
464	20260411	H Phai Niê	12A12	018	x	x	Sử	Địa	
465	20260414	H Phương Niê	12A12	018	x	x	Sử	Địa	
466	20260234	Đặng Đang Thanh	12A12	010	x	x	Địa	Anh	
467	20260306	Trần Thị Thùy Trâm	12A12	013	x	x	KTPL	Địa	
468	20260456	Đặng Quỳnh Trâm	12A12	020	x	x	Địa	Sử	
469	20260457	Nguyễn Thị Thùy Trâm	12A12	020	x	x	Địa	Sử	
470	20260461	Đỗ Thị Huyền Trang	12A12	020	x	x	Địa	Sử	

TT	SBD	Họ và tên	Lớp	Phòng thi	Môn bắt buộc		Môn tự chọn		Ghi chú
					Văn	Toán	Ca 1	Ca 2	
471	20260466	Phạm Văn Tuấn	12A12	020	x	x	Địa	Sử	
472	20260467	Nguyễn Đức Tùng	12A12	020	x	x	Địa	Sử	
473	20260376	Phạm Thu Uyên	12A12	016	x	x	Sử	Anh	
474	20260471	Vi Phúc Vinh	12A12	020	x	x	Địa	Sử	
475	20260474	Lưu Nguyễn Thúy Vy	12A12	020	x	x	Địa	Sử	

Danh sách này có 475 thí sinh.

Ea Kar, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Khanh